

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
CÔNG TY TNHH NN MTV  
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98 /QĐ-CTLNTP

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 10 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý các quỹ  
Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Tiền Phong

#### CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH NN MTV LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG

Căn cứ Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2005 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi Lâm Trường Tiền Phong thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty TNHH Nhà nước một

thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các quỹ Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Tiền Phong.

### Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 174/QĐ-CTLNTP ngày 14/6/2016 của Chủ tịch Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng các quỹ của Công ty.

**Điều 3.** Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc, người lao động Công ty; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Sở Tài chính (để b/cáo);
- Chủ tịch Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Lưu: VT, TCHC.



CHỦ TỊCH

*Trần Nhật Li Tín*

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
CÔNG TY TNHH NN MTV  
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ QUẢN LÝ CÁC QUỸ**  
**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /QĐ-CTLNTP ngày 17 tháng 10 năm 2024  
của Chủ tịch Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiền Phong)

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng các quỹ của Công ty quy định tại Điều 32, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, bao gồm các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khen thưởng;
- Quỹ phúc lợi;
- Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người quản lý Công ty.
2. Trưởng ban kiểm soát (kiểm soát viên);
3. Người lao động Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng các quỹ của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Tiền Phong.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là UBND tỉnh).
2. Người quản lý Công ty (doanh nghiệp) bao gồm: Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
3. Người lao động: Là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
4. Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm: Phòng, Đội, Trung tâm.



**Điều 4. Nguyên tắc quản lý các quỹ**

Việc sử dụng các quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng và theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG II  
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ****Điều 5. Quỹ đầu tư phát triển**

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển Công ty và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

2. Công ty được trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận của Công ty sau khi trừ các khoản:

- Bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;
- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

**Điều 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm, quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động được trích lập như sau:

1. Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
2. Doanh nghiệp xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
3. Doanh nghiệp xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
4. Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**Điều 7. Sử dụng quỹ khen thưởng**

1. Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty (bao gồm cả người quản lý Công ty làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

2. Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3. Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, Chủ tịch Công ty quyết định mức chi (theo Điều 15, Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty) sau khi tham khảo ý kiến của BCH Công đoàn Công ty.

#### **Điều 8. Sử dụng quỹ phúc lợi**

1. Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
2. Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty bao gồm cả người quản lý Công ty, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm.
3. Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.
4. Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.
5. Mức chi sử dụng quỹ do Chủ tịch Công ty quyết định (theo Điều 15, Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty).

#### **Điều 9. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên**

Căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được trích lập như sau:

1. Doanh nghiệp xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;
2. Doanh nghiệp xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;
3. Doanh nghiệp xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên

#### **Điều 10. Sử dụng quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên**

1. Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.
2. Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do UBND tỉnh quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen



thưởng thì Công ty được phép sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

### **CHƯƠNG III TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty**

1. Chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn doanh nghiệp và công khai trong Công ty trước khi thực hiện.

2. Quyết định thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích và quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế toán chủ trì, phối hợp các Phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý, sử dụng các quỹ đúng quy định, an toàn, tiết kiệm, có hiệu quả.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Phòng Tổ chức - Hành chính**

1. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán, tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý các quỹ; thực hiện việc quản lý, sử dụng các quỹ trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm và các văn bản pháp luật có liên quan, thông qua ý kiến người lao động tại Hội nghị người lao động hàng năm, trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

3. Kịp thời tổng hợp, đề xuất các trường hợp khen thưởng đột xuất, các đối tượng hưởng trợ cấp khó khăn trình Chủ tịch/Giám đốc Công ty quyết định.

4. Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế quản lý các quỹ trong Công ty tại Hội nghị người lao động.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Phòng Tài chính - Kế toán**

1. Chủ trì, phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính, các Phòng, đơn vị trực thuộc tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý các quỹ trình Chủ tịch Công ty quyết định.

2. Trích lập, thực hiện việc quản lý, sử dụng các quỹ trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

3. Định kỳ hàng quý, báo cáo Chủ tịch Công ty tình hình quản lý và sử dụng các quỹ.

**Điều 14. Trách nhiệm của Trưởng các Phòng, đơn vị trực thuộc**

1. Phổ biến Quy chế này đến người lao động trong Phòng, đơn vị biết, thực hiện.
2. Đề xuất các trường hợp khen thưởng đột xuất, các trường hợp hưởng trợ cấp khó khăn gửi Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp, báo cáo Chủ tịch/Giám đốc Công ty.
3. Tham gia, đề xuất các ý kiến đóng góp nhằm bổ sung, hoàn thiện Quy chế quản lý các quỹ trong Công ty thông qua Hội nghị người lao động.

**CHƯƠNG IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Người quản lý, người lao động Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
2. Các tham chiếu của Quy chế này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý các quỹ của Công ty chưa được quy định tại Quy chế hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động quản lý các quỹ của Công ty.
4. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các Phòng, đơn vị trực thuộc, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Chủ tịch Công ty để sửa đổi, bổ sung Quy chế phù hợp.
5. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành./.

